

Bản án số: 658/2022/HC-PT

Ngày: 19-8-2022

V/v: Khiếu kiện quyết định hành chính.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm Phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Văn Khoa

Các Thẩm phán: Ông Đặng Văn Ý

Ông Đỗ Đình Thanh

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Đỗ Hồng Quân, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Hậu, Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 64/2022/TLPT-HC ngày 17/02/2022 về việc “Khiếu kiện quyết định hành chính”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 1197/2021/HC-ST ngày 03/12/2021 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1254/2022/QĐPT-HC ngày 13/7/2022 giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Bà Phạm Thị T, sinh năm 1978; Địa chỉ: Tổ 23, ấp A, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

Người đại diện hợp pháp: Ông Vũ Duy N, sinh năm 1988; Địa chỉ: 211M Nguyễn Thành Vĩnh, tổ 6, khu phố 1, phường Trung Mỹ Tây, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh (Văn bản ủy quyền số 004018 lập ngày 27/4/2020 tại Phòng Công chứng số 1, Thành phố Hồ Chí Minh, có mặt).

- Người bị kiện:

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Bà Nguyễn Thị Linh P, Phó trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện C (có mặt).

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T, huyện C (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Bà Mai Thị O, Công chức Địa chính - Nông nghiệp - Xây dựng và Môi trường xã T (có mặt).

- Người kháng cáo: Bà Phạm Thị T là người khởi kiện.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Người khởi kiện bà Phạm Thị T có ông Vũ Duy N là người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngày 17/6/2019, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T ban hành Quyết định số 79/QĐ-KPHQ về việc áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả đối với bà Phạm Thị T do có hành vi lấn đất do Nhà nước trực tiếp quản lý với diện tích 309,9 m², thuộc một phần thửa 19, tờ bản đồ số 41 (tỷ lệ 1/1000), tọa lạc ấp An Lộc, xã T. Biện pháp khắc phục hậu quả phải thực hiện: Di dời hồ tròn khỏi khu đất; tháo dỡ toàn bộ công trình nhà sau, nhà phụ, nhà vệ sinh, sân đan, sân gạch bông, chuồng gà và hàng rào. Lý do không ra Quyết định xử phạt hành chính: Do hết thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính theo điều 65, Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012.

Không đồng ý với Quyết định số 79/QĐ-KPHQ ngày 17/6/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T, bà Phạm Thị T khiếu nại. Ngày 12/12/2019, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 173/QĐ-UBND, không công nhận nội dung đơn khiếu nại của bà Phạm Thị T.

Không đồng ý, bà Phạm Thị T tiếp tục khiếu nại (lần 2) đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C. Ngày 30/3/2020, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C ban hành Quyết định số 667/QĐ-UBND với nội dung không công nhận nội dung khiếu nại của bà Phạm Thị T.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T ban hành Quyết định số 79/QĐ-KPHQ dựa trên Nghị định số 182/2004/NĐ-CP ngày 29 tháng 10 năm 2004 đã hết hiệu lực thi hành, biên bản vi phạm hành chính lập không đúng quy định của pháp luật. Trong quá trình giải quyết khiếu nại, bà Phạm Thị T yêu cầu áp ranh thửa đất nhưng Ủy ban nhân dân huyện C và Ủy ban nhân dân xã T không thực hiện. Phần đất bà Phạm Thị T bị áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Phạm Thị T. Tuy nhiên, phần đất này có nguồn gốc của ông Võ Anh Dũng cho bà Phạm Thị T sử dụng từ năm 1995. Bà Phạm Thị T đã làm tường rào và trồng cây. Năm 2001, bà Phạm Thị T xây nhà vệ sinh. Khoảng từ năm 2002 đến năm 2004, bà Phạm Thị T xây dựng nhà, chuồng trại chăn nuôi trên phần đất này. Khi làm thủ tục cấp giấy chứng nhận phần nhà phía trước, do phần đất này bị ngập nước nên cán bộ địa chính không đo vẽ nên bà Phạm Thị T chưa được cấp giấy chứng nhận đối với phần đất này.

Bà Phạm Thị T khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy:

- Quyết định số 79/QĐ-KPHQ ngày 17/6/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T, huyện C;
- Quyết định số 173/QĐ-UBND ngày 12/12/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T, huyện C;
- Quyết định số 667/QĐ-UBND ngày 30/3/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C.

Người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C trình bày:

Phần đất bà Phạm Thị T bị xử lý vi phạm hành chính thuộc khu đầm 5 Ku-le (có diện tích khoảng 8ha) do Nông trường Quận 3 quản lý, sử dụng. Năm 1991, Nông trường Quận 3 giải thể nên bàn giao lại cho Ủy ban nhân dân huyện Duyên Hải quản lý (nay là huyện C). Trong thời gian chờ bàn giao, Nông trường Quận 3 có tạm thời giao cho ông Bùi Văn T, ấp An Nghĩa, xã An Thới Đông sử dụng để nuôi trồng thủy sản.

Ngày 02/7/1992, ông Bùi Văn T không sử dụng đầm 5 Ku-le và đã sang nhượng lại mặt nước diện tích 8ha cho ông Nguyễn Văn C và ông Huỳnh Văn H, có xác nhận của ông Hồ Văn Bửu, nguyên Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T.

Ngày 15/02/1993, ông Huỳnh Văn H đã chuyển nhượng lại toàn bộ phần mặt nước đầm cho ông Nguyễn Văn C, có xác nhận của ông Hồ Văn Bửu, nguyên Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T.

Năm 2003, Ủy ban nhân dân huyện C có Thông báo số 35/TB-UB ngày 07/3/2003 về kết luận nội dung chỉ đạo của Thường trực Ủy ban nhân dân huyện tại cuộc họp với Ủy ban nhân dân xã T về công tác quản lý đất đai, theo đó thống nhất cấp lại cho gia đình ông Nguyễn Văn C 02ha và thu hồi 1,7ha phần diện tích còn lại để lập dự án đầu tư phát triển khu dân cư của xã T. Năm 2010, Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện C cấm mốc phần đất 1,7ha (theo Báo cáo số 76/BC-TNMT ngày 13/4/2010 của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện C).

Bà Phạm Thị T là người sử dụng khu đất thửa 17, tờ bản đồ số 41, xã T (có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00015, cấp ngày 27 tháng 02 năm 2014), tiếp giáp phía sau khu đất này là khu đất 1,7ha đã có Thông báo thu hồi số 35/TB-UB ngày 07/3/2003 của Ủy ban nhân dân huyện C. Khoảng năm 2010, bà Phạm Thị T tự ý mở rộng ranh giới sử dụng sang phần đất 1,7ha, diện tích mở rộng là 309,9 m² (để cất nhà sau, trồng cây và một số công trình phục vụ sinh hoạt và sản xuất) sử dụng cho đến nay.

Ngày 31/3/ 2014, Ủy ban nhân dân huyện C ban hành Quyết định số 09/QĐ-UBND về thu hồi khu đất có diện tích 17.05,9 m² nhằm thửa 19, 33, 34, tờ bản đồ số 41 và thửa 01, tờ bản đồ số 42, tọa lạc tại xã T (Thông báo số 35/TB-UB ngày 07/3/2003 của Ủy ban nhân dân huyện C), trong đó có phần diện tích 309,9 m², nhằm một phần thửa 19, tờ bản đồ số 41 (tỷ lệ 1/1000), tọa lạc ấp An Lộc, xã T của bà Phạm Thị T.

Năm 2019, Đội quản lý trật tự đô thị huyện tiến hành lập Biên bản vi phạm hành chính số 28/BBVPHC-PQLĐT-ĐQLTTĐT đối với bà Phạm Thị T về hành vi lấn đất diện tích 309,9 m², Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T ban hành Quyết định áp dụng biện pháp khắc phục số 79/QĐ- KPHQ ngày 17 tháng 6 năm 2019 đối với bà Phạm Thị T và đình chỉ tại Quyết định số 167/QĐ-ĐCKPHQ ngày 02/12/2019.

Hiện trạng nhà sau và phần đất phía sau tại thời điểm kiểm tra ngày 11/02/2020 gồm: Nhà sau (cột cây, vách lá, mái lá, nền xi măng); đất gò có trồng cây ăn trái (xoài, vú sữa, mít, măng cầu...) và 01 chuồng gà, 01 chuồng vịt (bằng lưới B40), hàng rào xây bằng tường gạch cao khoảng 1,6 mét.

Về thủ tục xử lý vi phạm hành vi hành chính: Đội quản lý trật tự đô thị huyện lập Biên bản vi phạm hành chính số 28/BBVPHC-PQLĐT-ĐQLTTĐT đối với bà Phạm Thị T, bà Phạm Thị T không thừa nhận hành vi vi phạm, không ký tên vào biên bản vi phạm hành chính, (có chứng kiến của ông Huỳnh Châu L và bà Nguyễn Thị Lan, cùng ngụ tổ 23 ấp An Lộc, xã T).

Tại Quyết định số 79/QĐ- KPHQ ngày 17/6/2019 của Ủy ban nhân dân xã T, căn cứ khoản 1 Điều 10 Nghị định số 182/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004, sau đó được đính chính tại Quyết định số 167/QĐ-ĐCKPHQ ngày 02/12/2019, căn cứ khoản 1 Điều 9 Nghị định 105/2009/NĐ-CP ngày 11/11/2009 của Chính Phủ. Tại thời điểm lập biên bản vi phạm hành chính đối với bà Phạm Thị T, Nghị định 102/2014/NĐ-CP ngày 10 tháng 11 năm 2014 của Chính Phủ có hiệu lực thi hành. Căn cứ khoản 1 Điều 36 Nghị định 102/2014/NĐ-CP ngày 10 tháng 11 năm 2014 của Chính Phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai, quy định: “Đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai xảy ra trước thời điểm Nghị định này có hiệu lực mà sau đó mới bị phát hiện hoặc đang xem xét, giải quyết thì áp dụng Nghị định của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai có hiệu lực tại thời điểm thực hiện hành vi vi phạm để xử lý”. Bà Phạm Thị T có hành vi lấn đất năm 2010, căn cứ quy định nêu trên, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T căn cứ Nghị định 105/2009/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2009 của Chính Phủ để xử lý là phù hợp.

Xét thấy, khu đất 309,9 m², nhằm một phần thửa 19, tờ bản đồ số 41 (tỷ lệ 1/1000), tọa lạc ấp An Lộc, xã T là đất do Nhà nước quản lý (theo Quyết định số 09/QĐ-UBND ngày 31 tháng 3 năm 2014 của Ủy ban nhân dân huyện C), tiếp giáp với khu đất bà Phạm Thị T là đang sử dụng. Năm 2010 bà Phạm Thị T tự ý mở rộng diện tích sử dụng sang phần đất 309,9 m² nêu trên. Đây là hành vi lấn đất bị xử lý theo quy định tại khoản 1 Điều 10 Nghị định 102/2014/NĐ-CP ngày 10/11/2014 của Chính Phủ và khoản 1 Điều 9 Nghị định 105/2009/NĐ-CP ngày 11/11/2009 của Chính Phủ. Do đã hết thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính theo quy định tại Điều 6, Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012, do đó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả (buộc di dời các vật dụng và tháo dỡ các công trình xây dựng) là đúng quy định.

Do đó, ngày 30/3/2020, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C ban hành Quyết định số 667/QĐ-UBND với nội dung không công nhận nội dung khiếu nại của bà Phạm Thị T, giữ nguyên Quyết định giải quyết khiếu nại số 173/QĐ-UBND ngày 12/12/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T đối với bà Phạm Thị T là có cơ sở. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C đề nghị Tòa án nhân dân thành phố bác yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị T.

Người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T, huyện C trình bày:

Bà Phạm Thị T yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 173/QĐ-UBND ngày 12/12/2019 và Quyết định số 79/QĐ-KPHQ ngày 17/6/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T là không có cơ sở vì:

Phần đất bà Phạm Thị T bị xử lý vi phạm hành chính nằm trong phần đất 1,7 ha thuộc khu vực đầm 5 Kule có diện tích khoảng 08 ha do Nhà nước trực tiếp quản lý (Nông trường quận 3). Năm 1991, Nông trường quận 03 giải thể

nên giao lại cho Ủy ban nhân dân huyện Duyên Hải (nay là huyện C). Trong thời gian chờ bàn giao, Nông trường quận 3 có cho ông Bùi Văn T (ngụ tại ấp An Nghĩa, xã An Thới Đông) tạm sử dụng để nuôi trồng thủy sản. Đến năm 1992, khi Ủy ban nhân dân huyện nhận bàn giao vẫn để cho ông Bùi Văn T sử dụng nuôi trồng thủy sản. Tuy nhiên, ông Bùi Văn T không sử dụng mà sang nhượng lại mặt nước diện tích 08 ha cho ông Nguyễn Văn C và ông Huỳnh Văn H với giá 06 chỉ vàng được ông Hồ Văn Bửu nguyên Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T chứng nhận. Năm 1993, ông Huỳnh Văn H chuyển nhượng lại toàn bộ mặt nước đầm cho ông Nguyễn Văn C sử dụng.

Việc chuyển nhượng và nhận chuyển nhượng nêu trên không được cơ quan nhà nước có thẩm quyền thừa nhận và đã có chủ trương xử lý thu hồi tại Thông báo số 25/TB.UB ngày 26/02/2003 và Thông báo số 35/TB-UB ngày 07/3/2003 về nội dung kết luận và chỉ đạo của Thường trực Ủy ban nhân dân huyện tại cuộc họp với Ủy ban nhân dân xã T về công tác quản lý đất đai với nội dung thống nhất cấp lại cho 04 hộ thuộc gia đình của ông Nguyễn Văn C (gồm bà Lê Thị Chương, bà Nguyễn Thị Kim Anh, bà Phạm Thị Hiệp và bà Nguyễn Ngọc Xuân) với diện tích 02 ha (phần diện tích mà trước đây ông Nguyễn Văn C khai thác sản xuất và chuyển nhượng) và thu hồi phần diện tích còn lại khoảng 1,7 ha để lập dự án đầu tư phát triển khu dân cư của xã T. Năm 2010, Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện cấm mốc phần đất 1,7 ha (theo Báo cáo số 76/BC-TNMT ngày 13 tháng 4 năm 2010 của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện). Đến năm 2014, Ủy ban nhân dân huyện ban hành Quyết định thu hồi đất để giao Ủy ban nhân dân xã T quản lý (Quyết định số 09/QĐ-UBND ngày 31/3/2014 của Ủy ban nhân dân huyện).

Về phần đất bà Phạm Thị T được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: Năm 1996, bà Phạm Thị Hiệp (vợ của ông Nguyễn Văn C) có cho bà Phạm Thị Kim Hoa một khu đất có khoảng diện tích 300m² (giấy cam kết ngày 10/3/1996) tiếp giáp phần đất 1,7 ha do nhà nước quản lý nêu trên. Năm 2004, bà Phạm Thị Kim Hoa lập thủ tục xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với khu đất nêu trên và được Ủy ban nhân dân huyện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 2805/QSĐĐ/TC ngày 30/8/2004 nhằm các thửa 43-70, 128, tờ bản đồ số 06, loại đất: đất gò, diện tích 237,5m² với chiều dài 19m và ngang 12,5m). Sau khi được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, bà Hoa để cho bà Phạm Thị T ở và sử dụng khu đất. Đến tháng 02 năm 2014, bà Hoa lập thủ tục chuyển nhượng toàn bộ khu đất có diện tích 237,5m² cho bà Phạm Thị T. Trong quá trình sử dụng, bà Phạm Thị T lấn ra khu đất 1,7 ha để xây dựng hàng rào, các công trình phụ sử dụng và bị xử lý vi phạm hành chính.

Do đó, Ủy ban nhân dân xã T ban hành Quyết định số 173/QĐ-UBND ngày 12/12/2019 và Quyết định số 79/QĐ-KPHQ ngày 17/6/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T là đúng quy định. Đề nghị Tòa án bác yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị T.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 1197/2021/HC-ST ngày 03 tháng 12 năm 2021 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên xử:

Căn cứ Điều 3, khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, Điều 115, Điều 116, khoản 1 Điều 158 Điều 193 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015;

Căn cứ Điều 18, Điều 38, Điều 86, Điều 87 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012;

Căn cứ Điều 22, Điều 36 Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Nghị định 102/2014/NĐ-CP ngày 10/11/2014 của Chính Phủ;

Căn cứ Nghị định 105/2009/NĐ-CP ngày 11/11/2009 của Chính Phủ;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Bác yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị T về việc yêu cầu tuyên hủy Quyết định số 79/QĐ-KPHQ ngày 17/6/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T, huyện C; Quyết định số 173/QĐ-UBND ngày 12/12/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T, huyện C và Quyết định số 667/QĐ-UBND ngày 30/3/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 08/12/2021, người khởi kiện bà Phạm Thị T có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa án, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Bà Phạm Thị T và ông Vũ Duy N là người đại diện hợp pháp của bà Phạm Thị T không thay đổi, bổ sung, không rút đơn khởi kiện; không thay đổi, bổ sung và giữ nguyên yêu cầu kháng cáo ban đầu. Người bị kiện vắng mặt tại phiên tòa nên không thể hiện ý kiến.

Trong phần tranh luận các đương sự trình bày như sau:

Ông Vũ Duy N là người đại diện hợp pháp của người khởi kiện trình bày: Tòa án cấp sơ thẩm không tiến hành công khai chứng cứ, các chứng cứ do UBND xã T cung cấp thì người khởi kiện chỉ biết được tại phiên tòa sơ thẩm, nên ông không có thời gian nghiên cứu. UBND huyện C không cho ông tiếp cận, sao chụp hồ sơ giải quyết khiếu nại của bà Phạm Thị T. Đất của bà Phạm Thị T có 02 phần, phần phía trước cao nên đã được cấp giấy chứng nhận, phần phía sau thấp, bị ngập nước nên chưa được cấp giấy chứng nhận. Bà Phạm Thị T có hộ khẩu thường trú tại đây từ năm 2002-2003, bà Oanh là công chức địa chính xã cho rằng bà Phạm Thị T về sinh sống ở đây vào năm 2012 là chỉ căn cứ vào ý kiến của ông Bùi Văn Lèo, mà không căn cứ vào ý kiến của các nhân chứng khác. Quyết định số 79 căn cứ vào Nghị định số 182/CP đã hết hiệu lực pháp luật. Biên bản vi phạm số 28 không được tổng đạt cho bà Phạm Thị T. Tòa án cấp sơ thẩm chưa tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ để xác định thời gian bà Phạm Thị T sử dụng đất. Ông Nam đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy toàn bộ bản án sơ thẩm, chuyển hồ sơ cho Tòa án cấp sơ thẩm điều tra, xét xử lại vụ án.

Bà Phạm Thị T đồng ý với ý kiến và đề nghị của ông Nam.

Bà Nguyễn Thị Phương L và bà Mai Thị O trình bày: Địa bàn xã T rất rộng, có nhiều ấp, hộ khẩu của bà Phạm Thị T ghi ấp An Lộc nhưng không ghi

tổ nào và hộ khẩu không phải là căn cứ để xác định thời điểm sử dụng đất của bà Phạm Thị T. Trước khi lập biên bản vi phạm số 28 thì Đội trật tự đô thị có gửi thư mời nhưng bà Phạm Thị T không đến. UBND xã có tiến hành lập biên bản xác minh việc lấn chiếm đất của bà Phạm Thị T và Biên bản vi phạm số 28 có người làm chứng. Khi phát hiện Quyết định số 79 căn cứ vào Nghị định số 182/CP đã hết hiệu lực nên đã ban hành Quyết định số 167 để đính chính. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà Phạm Thị T và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Ông Nam đối đáp: Hộ khẩu của bà Phạm Thị T được tách ra từ hộ khẩu của mẹ ruột bà Phạm Thị T. Việc UBND xã không niêm yết Biên bản số 28 là vi phạm pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

1. Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng: Xét thấy Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, các thành viên Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã tuân thủ và chấp hành đúng các quy định của Luật Tố tụng hành chính năm 2015.

2. Về tính hợp lệ của đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của bà Phạm Thị T làm trong hạn luật định, đúng hình thức. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận về mặt hình thức.

3. Về nội dung kháng cáo: Bà Phạm Thị T có quyền sử dụng đất đối với thửa số 17 có nguồn gốc mua của bà Phạm Thị Kim Hoa. Phần đất phía sau có diện tích 309,9m² là do bà Phạm Thị T lấn chiếm khu đất 1,7ha của khu đầm Kule thuộc đất công. Bản án sơ thẩm không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị T là có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính năm 2015, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Phạm Thị T, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tính hợp lệ của đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của bà Phạm Thị T làm trong hạn luật định, đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm nên đủ điều kiện để thụ lý và xét xử theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung kháng cáo:

[2.1] Bà Phạm Thị T cho rằng Biên bản vi phạm hành chính số 28/BB-VPHC-PQLĐT-ĐQLTTĐT ngày 06/5/2021 được lập không đúng trình tự, quy định. Xét thấy, tại Biên bản vi phạm hành chính số 28/BB-VPHC-PQLĐT-ĐQLTTĐT ngày 06/5/2021 thể hiện Đội quản lý trật tự đô thị đã tiến hành lập biên bản về hành vi lấn đất của bà Phạm Thị T. Do bà Phạm Thị T không thừa nhận hành vi vi phạm nên không đồng ý ký tên. Đội quản lý trật tự đô thị đã lập biên bản ghi nhận, có sự chứng kiến của ông Huỳnh Châu L và bà Nguyễn Thị Lan là những người dân sinh sống xung quanh đúng theo quy định. Do đó lời trình bày của bà Phạm Thị T là không có căn cứ chấp nhận.

[2.2] Bà Phạm Thị T trình bày bà đã sinh sống, quản lý sử dụng đất từ năm 2002, đã được cấp sổ hộ khẩu nhưng Tòa án cấp sơ thẩm chưa xem xét. Xét

thấy, bà Phạm Thị T là người sử dụng khu đất thửa 17, tờ bản đồ số 41, xã T, đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00015 ngày 27/02/2014 và sổ hộ khẩu mang tên chủ hộ Phạm Thị T. Tuy nhiên trong quá trình sử dụng đất, bà Phạm Thị T đã tự ý mở rộng ranh giới sử dụng sang phần đất tiếp giáp phía sau khu đất thửa 17. Diện tích mở rộng là 309,9m², thuộc một phần thửa 19, tờ bản đồ số 41, tọa lạc ấp An Lộc, xã T. Phần diện tích này hiện nay chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đồng thời sổ hộ khẩu của bà Phạm Thị T cũng không có giá trị chứng minh bà Phạm Thị T có quyền sử dụng phần đất này.

[2.3] Bà Phạm Thị T trình bày cho rằng trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã không tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng. Căn cứ vào các biên bản giao giấy tờ, hồ sơ, tài liệu (bút lục 07 đến bút lục 30) thể hiện Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã thực hiện đầy đủ việc tổng đạt các văn bản tố tụng cho người khởi kiện bà Phạm Thị T, đại diện theo ủy quyền của bà Phạm Thị T là ông Vũ Duy N.

[2.4] Quyết định số 79/QĐ-KPHQ ngày 17/6/2019 căn cứ Nghị định số 182/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 đã hết hiệu lực pháp luật và đã ban hành Quyết định số 167/QĐ-UBND ngày 02/12/2019 đình chính lại căn cứ áp dụng là Nghị định số 105/2009/NĐ-CP ngày 11/11/2009 là có sai sót. Tuy nhiên sai sót này không làm thay đổi bản chất sự việc.

[2.5] Từ những phân tích nêu trên, nhận thấy Quyết định số 79/QĐ-KPHQ được ban hành đúng quy định của pháp luật.

[2.6] Như đã phân tích ở trên có căn cứ xác định Quyết định số 79/QĐ-KPHQ là đúng pháp luật. Do đó khi bà Phạm Thị T khiếu nại, Chủ tịch UBND xã T và Chủ tịch UBND huyện Nhà Bè ban hành Quyết định số 173/QĐ-UBND ngày 12/12/2019 và Quyết định 667/QĐ-UBND có cùng nội dung không chấp nhận khiếu nại của bà Phạm Thị T là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Từ những phân tích nêu trên, xét thấy bản án sơ thẩm đã xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị T là có căn cứ, đúng pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Phạm Thị T và người đại diện hợp pháp của bà Phạm Thị T không xuất trình được tài liệu chứng cứ nào mới, do đó kháng cáo của bà Phạm Thị T là không có căn cứ để chấp nhận. Cần giữ nguyên bản án sơ thẩm như đề nghị của những người bảo vệ quyền lợi hợp pháp cho người bị kiện và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa.

[4] Về án phí hành chính phúc thẩm: Do giữ nguyên bản án sơ thẩm nên bà Phạm Thị T phải chịu án phí theo luật định.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 241 của Luật Tố tụng Hành chính năm 2015,

Không chấp nhận kháng cáo của bà Phạm Thị T. Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 1197/2021/HC-ST ngày 03 tháng 12 năm 2021 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ Điều 3, khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, Điều 115, Điều 116, khoản 1 Điều 158 Điều 193 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015;

Căn cứ Điều 18, Điều 38, Điều 86, Điều 87 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012;

Căn cứ Điều 22, Điều 36 Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Nghị định 102/2014/NĐ-CP ngày 10/11/2014 của Chính Phủ;

Căn cứ Nghị định 105/2009/NĐ-CP ngày 11/11/2009 của Chính Phủ;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng áp phí và lệ phí Tòa án,

[1] Bác yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị T về việc yêu cầu hủy các quyết định hành chính sau đây:

- Quyết định số 79/QĐ-KPHQ ngày 17/6/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T, huyện C.

- Quyết định số 173/QĐ-UBND ngày 12/12/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T, huyện C.

- Quyết định số 667/QĐ-UBND ngày 30/3/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về án phí hành chính phúc thẩm: Bà Phạm Thị T phải nộp 300.000 (ba trăm ngàn) đồng án phí hành chính phúc thẩm, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 1383 ngày 20/12/2021 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Phạm Thị T đã nộp xong án phí hành chính phúc thẩm.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị theo quy định của pháp luật.

[5] Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- TAND Tp. HCM;
- VKSND Tp. HCM;
- Cục THADS Tp. HCM;
- Dương sự;
- Lưu (3), 17b (Ấn HQ).

Đã ký

Võ Văn Khoa